

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Việt Hồng

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh: Không

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2025/QĐST - DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Địa chỉ: số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Cộng tác viên Ngân hàng K - Chi nhánh R – K. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, Kiên Giang.

(Theo Giấy ủy quyền số 67/UQ-PGDAM ngày 31/10/2024 về việc tham gia Tòa án và làm việc với cơ quan chức năng của Ngân hàng TMCP K)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm 1999 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp I Chợ, xã Đ, huyện A, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, chị Nguyễn Thị Hoàng N và Ngân hàng TMCP K - K thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511254/HĐTD-CC và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511259/HĐTD-CC để vay tổng số tiền 100.000.000đ, mục đích vay là để phục vụ tiêu dùng, thời hạn vay là 120 ngày từ ngày 31/01/2024 đến ngày 29/5/2024, mức trả nợ được thực hiện theo ngày bao gồm cả gốc và lãi.

Tại 02 hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố nói trên, bà N và Ngân hàng TMCP K ký kết thỏa thuận dùng tài sản của bà N để bảo đảm nợ vay, tài sản cầm cố bảo đảm nợ vay là 02 xe mô tô, cụ thể: 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68M1-016.66, số khung 2701BY64417, số máy JF27E1221006 cấp cho Huỳnh Minh T vào ngày 03/10/2013 (Huỳnh Minh Trung lập hợp đồng bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Thị Hoàng N được UBND xã Đ xác nhận vào ngày 25/12/2023) và 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68D1-381.56, có số khung RLHJF6302FZ501185, số máy JF63E1173170 cấp cho Nguyễn Thị Hoàng N vào ngày 24/3/2022.

Kể từ ngày nhận tiền vay cho đến nay, chị N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm gốc và lãi cho Ngân hàng được 59 kỳ. Đến kỳ thanh toán thứ 60 nhằm ngày 31/3/2024 đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 29/5/2024 và cho đến ngày xét xử, chị N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của mình theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng chị N đã ký kết với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Hoàng N phải thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 71.099.888 đồng, trong đó tổng nợ gốc là 50.833.353 đồng, tổng nợ lãi là 16.250.051 đồng, thù lao động tác viên là 4.016.484 đồng.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị Hoàng N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số A1511254/HĐTD-CC ký kết ngày 30/01/2024 và Hợp đồng tín dụng số A1511259/HĐTD-CC ký kết ngày 30/01/2024 từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Nguyên đơn giữ vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng N có hộ khẩu thường trú tại ấp I, xã Đ, huyện A, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng N, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng theo quy định nhưng chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K yêu cầu chị Nguyễn Thị Hoàng N trả số tiền nợ vay với tổng số tiền 71.099.888đ. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 30/01/2024 chị Nguyễn Thị Hoàng N có ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511254/HĐTD-CC và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511259/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K để vay tổng số tiền là 100.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 120 ngày, ngày thanh toán đầu tiên vào ngày 31/01/2024, ngày đến hạn vào ngày 29/5/2024, với lãi suất cho vay là 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 24%/năm, mức trả nợ thỏa thuận theo ngày bao gồm cả gốc và lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP K đã thực hiện việc giải ngân và chị N đã nhận đủ số tiền vay theo đúng 02 hợp đồng tín dụng nói trên. Vì vậy Hợp đồng tín dụng số A1511254/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 và Hợp đồng tín dụng số A1511259/HĐTD-CC 30/01/2024 có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý, buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, chị N đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm gốc và lãi cho Ngân hàng được 59 kỳ, cụ thể thanh toán từ ngày 31/01/2024 đến hết ngày 30/3/2024. Kể từ kỳ thanh toán thứ 60 nhằm ngày 31/3/2024 đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 29/5/2024 và cho đến ngày xét xử, chị N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của mình theo như thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng chị N đã ký kết với Ngân hàng. Hiện tại chị N còn nợ của Ngân hàng TMCP K với tổng số tiền 71.099.888 đồng, trong đó tổng

nợ gốc là 50.833.353 đồng, tổng nợ lãi là 16.250.051 đồng, thù lao động tác viên là 4.016.484 đồng.

[3.2] Về lãi suất cho vay: Lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số A1511254/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 và Hợp đồng tín dụng số A1511259/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận.

[3.3] Về thỏa thuận thù lao cộng tác viên: Ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa chị Nguyễn Thị Hoàng N và cộng tác viên của Ngân hàng TMCP K ký kết 02 Bản thỏa thuận bảo lãnh, nội dung thỏa thuận ghi nhận Bên bảo lãnh (Bên A - cộng tác viên của Ngân hàng) đồng ý dùng tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP K là 01 xe HONDA có biển kiểm soát số 68M1-016.66 và 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68D1-381.56 để bảo lãnh cho Bên được bảo lãnh (Bên B - Nguyễn Thị Hoàng N) để vay tổng số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay là 120 ngày, lãi suất 16%/năm theo phương thức trả góp hàng ngày. Đồng thời các bên thỏa thuận Bên B phải có trách nhiệm trả tiền thù lao cho Bên A với số tiền 32.944đ x 02 hợp đồng x số ngày vi phạm trong việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng là 61 ngày = 4.016.484đ.

Xét thấy thỏa thuận bảo lãnh giữa Cộng tác viên của Ngân hàng với chị Nguyễn Thị Hoàng N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc thỏa thuận ký kết thỏa thuận với tinh thần thiện chí nhằm đảm bảo trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của chị N đối với Ngân hàng TMCP K được thực hiện hiệu quả. Việc phát sinh thù lao này xuất phát từ việc chị N đã vi phạm hợp đồng ký kết với Ngân hàng TMCP K. Căn cứ Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về buộc chị N trả phí thù lao đối với cộng tác viên Ngân hàng.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị Nguyễn Thị Hoàng N không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K: Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511254/HĐTD-CC và số A1511259/HĐTD-CC cùng ngày 30/01/2024 để cầm cố 02 xe mô tô, cụ thể: 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68M1-016.66, số khung 2701BY64417, số máy JF27E1221006 cấp cho Huỳnh Minh T vào ngày 03/10/2013 (Huỳnh Minh Trung lập hợp đồng bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Thị Hoàng N được UBND xã Đ xác nhận vào ngày 25/12/2023)

và 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68D1-381.56, có số khung RLHJF6302FZ501185, số máy JF63E1173170 cấp cho Nguyễn Thị Hoàng N vào ngày 24/3/2022. Việc ký kết các hợp đồng cầm cố nói trên giữa chị N và Ngân hàng TMCP K được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Trình tự thủ tục cầm cố tài sản của các bên đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng TMCP K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp chị Nguyễn Thị Hoàng N không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng N có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ của 02 Hợp đồng tín dụng nói trên cụ thể: Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A1511254/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 và Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A1511259/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 với tổng số tiền 71.099.888 đồng, trong đó tổng nợ gốc là 50.833.353 đồng, tổng nợ lãi là 16.250.051 đồng, thù lao động tác viên là 4.016.484 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP K yêu cầu chị Nguyễn Thị Hoàng N trả cho Ngân hàng tính đến ngày 11/6/2025 là 71.099.888 đồng, trong đó tổng nợ gốc là 50.833.353 đồng, tổng nợ lãi là 16.250.051 đồng, thù lao động tác viên là 4.016.484 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: $71.099.888đ \times 5\% = 3.555.000đ$. Buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 344, Điều 345, Điều 385, Điều 386, Điều 463; 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Hoàng N trả số tiền vay.

Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm tính đến ngày 11/6/2025 với số tiền 71.099.888 đồng, trong đó tổng nợ gốc là 50.833.353 đồng, tổng nợ lãi là 16.250.051 đồng, thù lao động tác viên là 4.016.484 đồng

Chị Nguyễn Thị Hoàng N còn chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511254/HĐTD-CC ngày 30/01/2024 và Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1511259/HĐTD-CC ngày 30/01/2024, kể từ ngày 12/6/2025 cho đến khi chị N thanh toán xong hết các khoản cho Ngân hàng.

2. Khi chị Nguyễn Thị Hoàng N trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K phải có nghĩa vụ trả lại cho chị N 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, cụ thể: 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68M1-016.66, số khung 2701BY64417, số máy JF27E1221006 cấp cho Huỳnh Minh T vào ngày 03/10/2013 (Huỳnh Minh Trung lập hợp đồng bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Thị Hoàng N được UBND xã Đ xác nhận vào ngày 25/12/2023) và 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68D1-381.56, có số khung RLHJF6302FZ501185, số máy JF63E1173170 cấp cho Nguyễn Thị Hoàng N vào ngày 24/3/2022.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Hoàng N không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thì các tài sản cầm cố là 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68M1-016.66, số khung 2701BY64417, số máy JF27E1221006 cấp cho Huỳnh Minh T vào ngày 03/10/2013 (Huỳnh Minh Trung lập hợp đồng bán, cho, tặng xe cho Nguyễn Thị Hoàng N được UBND xã Đ xác nhận vào ngày 25/12/2023) và 01 xe HONDA, biển kiểm soát số 68D1-381.56, có số khung RLHJF6302FZ501185, số máy JF63E1173170 cấp cho Nguyễn Thị Hoàng N vào ngày 24/3/2022 sẽ được tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng TMCP K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.555.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí là 1.570.000đ (*Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005334, ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn